

**ĐẠI HỌC FPT  
FPT UNIVERSITY**

**CHỦ ĐỀ:**

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CSDL  
QUẢN LÝ THƯ VIỆN**

**BUILDING A DATABASE SYSTEM FOR  
LIBRARY MANAGEMENT**

**MÔN HỌC: HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU  
COURSE: DATABASE SYSTEMS (DBI202)**

**LỚP: SE2043**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN:  
VŨ THANH PHONG**

**NHÓM 2**

1. Nguyễn Ngọc Phúc
2. Thân Nhật Huy
3. Võ Hoàng Đình Trường
4. Nguyễn Thành An
5. Nguyễn Quang Thiên Phú
6. Phạm Ngọc Hưng

Ngày 29 tháng 1 năm 2026

# Mục lục

# 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

## 1.1. Phân tích bối cảnh và vấn đề bài toán

### 1.1.1. Bối cảnh bài toán

Một thư viện cần xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu để lưu trữ và quản lý toàn bộ thông tin liên quan đến các hoạt động quản lý sách và dịch vụ cho độc giả. Hệ thống này phải đảm bảo khả năng theo dõi thông tin chi tiết về các cuốn sách (BOOK), các tác giả (AUTHOR), nhà xuất bản (PUBLISHER), bản sao sách (BOOK\_COPY), và thành viên thư viện (MEMBER). Dữ liệu bao gồm thông tin xuất bản, thông tin mượn/trả sách, tình trạng sách, và các khoản phí phạt khi trả sách muộn.

### 1.1.2. Vấn đề cần giải quyết

Bài toán đặt ra là phải thiết kế một mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ có khả năng biểu diễn chính xác các mối quan hệ phức tạp giữa các thực thể nói trên. Cụ thể:

- Mỗi cuốn sách có thể có nhiều tác giả, và mỗi tác giả có thể viết nhiều sách (mối quan hệ nhiều-nhiều).
- Mỗi cuốn sách có thể có nhiều bản sao, và mỗi bản sao có thể được mượn bởi một thành viên tại một thời điểm.
- Mỗi cuốn sách được xuất bản bởi một nhà xuất bản duy nhất.
- Thành viên thư viện có thể mượn nhiều sách, và mỗi lần mượn cần lưu trữ thông tin ngày mượn, ngày hết hạn, ngày trả, và khoản phí phạt (nếu có).
- Hệ thống phải hỗ trợ các báo cáo: sách được mượn nhiều nhất, lịch sử mượn sách của thành viên, các sách quá hạn, và thống kê sách theo tác giả hoặc nhà xuất bản.

Do đó, yêu cầu cốt lõi của bài toán là phân tích, xác định các thực thể, thuộc tính, và mối quan hệ giữa chúng, sau đó chuẩn hóa dữ liệu để đảm bảo tính toàn vẹn, tránh dư thừa và hỗ trợ truy vấn hiệu quả cho hoạt động quản lý của thư viện.

## 1.2. Yêu cầu chức năng từ người dùng

Dựa trên nhu cầu quản lý thư viện, cơ sở dữ liệu phải hỗ trợ các chức năng sau:

### 1.2.1. Quản lý sách (Book Management)

**Yêu cầu:**

- Lưu trữ thông tin chi tiết về các cuốn sách, bao gồm:
  - Mã sách (*BookID*) - định danh duy nhất
  - Tên sách (*Title*)
  - Thể loại/Sự phân loại (*SubjectCategory*)

- Năm xuất bản (*PublicationYear*)
- Nhà xuất bản (*Publisher*)

**Mục đích:** Hệ thống có thể tra cứu, tìm kiếm và quản lý danh mục sách hiệu quả.

### 1.2.2. Quản lý tác giả (Author Management)

**Yêu cầu:**

- Lưu trữ thông tin chi tiết về các tác giả:
  - Mã tác giả (*AuthorID*) - định danh duy nhất
  - Tên tác giả (*Name*)
  - Quốc tịch (*Nationality*)
  - Năm sinh (*YearOfBirth*)

**Mục đích:** Theo dõi danh mục tác giả và các tác phẩm của họ.

### 1.2.3. Quản lý nhà xuất bản (Publisher Management)

**Yêu cầu:**

- Lưu trữ thông tin về các nhà xuất bản:
  - Mã nhà xuất bản (*PublisherID*) - định danh duy nhất
  - Tên nhà xuất bản (*Name*)
  - Địa chỉ (*Address*)
  - Số điện thoại liên hệ (*ContactNumber*)

**Mục đích:** Quản lý thông tin đối tác cung cấp sách.

### 1.2.4. Quản lý bản sao sách (Book Copy Management)

**Yêu cầu:**

- Lưu trữ thông tin về từng bản sao vật lý của sách:
  - Mã bản sao (*CopyID*) - định danh duy nhất
  - Tình trạng (*Condition*) - mới, cũ, hư hại
  - Trạng thái (*Status*) - có sẵn, đang mượn, bảo dưỡng

**Mục đích:** Theo dõi chính xác số lượng sách sẵn sàng cho mượn.

### 1.2.5. Quản lý thành viên (Member Management)

#### Yêu cầu:

- Lưu trữ thông tin thành viên thư viện:
  - Mã thành viên (*MemberID*) - định danh duy nhất
  - Tên thành viên (*Name*)
  - Địa chỉ (*Address*)
  - Số điện thoại (*PhoneNumber*)
  - Loại thành viên (*MembershipType*) - sinh viên, giảng viên, độc giả thường

**Mục đích:** Quản lý thông tin độc giả và phân loại quyền lợi.

### 1.2.6. Quản lý mượn/trả sách (Loan Management)

#### Yêu cầu:

- Lưu trữ chi tiết các giao dịch mượn/trả:
  - Mã mượn (*LoanID*) - định danh duy nhất
  - Ngày mượn (*BorrowDate*)
  - Ngày hết hạn (*DueDate*)
  - Ngày trả (*ReturnDate*)
  - Phí phạt quá hạn (*OverdueFine*) - tính theo ngày

**Mục đích:** Theo dõi luồng sách mượn/trả và tính toán phí phạt.

### 1.2.7. Báo cáo thống kê (Reporting Requirements)

#### Yêu cầu:

- **Sách được mượn nhiều nhất:** Tổng hợp số lần mượn của từng sách
- **Lịch sử mượn của thành viên:** Xem tất cả sách một thành viên đã mượn
- **Sách quá hạn:** Liệt kê sách chưa trả và quá hạn
- **Thống kê theo tác giả:** Số lượng sách và lượt mượn theo từng tác giả
- **Thống kê theo nhà xuất bản:** Số lượng sách theo từng nhà xuất bản

**Mục đích:** Hỗ trợ quản lý ra quyết định về mua sách, điều chỉnh quy định, và cải thiện dịch vụ.

## **1.3. Phạm vi dự án và công cụ sử dụng**

### **1.3.1. Phạm vi dự án**

**Trong phạm vi dự án (In Scope):**

- Phân tích yêu cầu và thiết kế sơ đồ ERD
- Chuyển đổi ERD sang mô hình quan hệ (Relational Data Model)
- Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đến 3NF (Third Normal Form)
- Định nghĩa lược đồ cơ sở dữ liệu với các ràng buộc (Constraints)
- Triển khai cơ sở dữ liệu trên SQL Server
- Thêm dữ liệu mẫu (Sample Data)
- Tạo các stored procedures, functions, và triggers
- Viết các câu lệnh SQL truy vấn cho báo cáo

**Ví dụ về các câu truy vấn SQL cần triển khai:**

- Liệt kê tất cả các tác phẩm của một tác giả cụ thể
- Tìm các thành viên đang mượn sách quá hạn
- Thống kê sách được mượn nhiều nhất
- Tính tổng phí phạt của một thành viên
- Lấy lịch sử mượn sách của một thành viên

**Ngoài phạm vi dự án (Out of Scope):**

- Giao diện người dùng đồ họa (GUI/Web Application)
- Hệ thống thanh toán điện tử
- Quản lý kho phức tạp (đặt hàng, nhập hàng)
- Hệ thống thông báo tự động (email/SMS)
- Phân tích dữ liệu nâng cao (Data Analytics)
- Quản lý người dùng và phân quyền chi tiết

### 1.3.2. Công cụ sử dụng

Bảng 1: Công cụ và công nghệ sử dụng

Công cụ	Mục đích	Lý do chọn
SQL Server	Hệ quản trị CSDL	Đáng tin cậy, hỗ trợ T-SQL đầy đủ
SSMS	Công cụ phát triển	Giao diện trực quan, hỗ trợ debug T-SQL
draw.io	Tạo sơ đồ ERD	Công cụ trực quan, hỗ trợ AI
T-SQL	Ngôn ngữ truy vấn	Ngôn ngữ chuẩn của SQL Server
Git/GitHub	Quản lý phiên bản	Theo dõi thay đổi mã nguồn
Word/Markdown	Tài liệu hóa	Tạo báo cáo và tài liệu kỹ thuật

## 2. BÁO CÁO 1: PHÂN RÃ

### 2.1. Phân công nhiệm vụ

Bảng 2: Phân công nhiệm vụ nhóm

STT	Họ và tên	Phân công nhiệm vụ	% đóng góp
1	Nguyễn Ngọc Phúc	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, xây dựng các thực thể và mối quan hệ, tổng hợp nội dung báo cáo	16.7%
2	Thân Nhật Huy	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, xây dựng các thực thể và mối quan hệ, hỗ trợ viết báo cáo	16.7%
3	Võ Hoàng Đình Trường	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, xác định thuộc tính và ràng buộc dữ liệu, hỗ trợ kiểm tra tài liệu	16.7%
4	Nguyễn Thành An	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, xác định mối quan hệ giữa các thực thể, hỗ trợ hoàn thiện báo cáo	16.7%
5	Nguyễn Quang Thiên Phú	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, chuẩn hóa mô hình dữ liệu, rà soát nội dung báo cáo	16.7%
6	Phạm Ngọc Hưng	Phân tích yêu cầu hệ thống, tham gia thiết kế ERD, kiểm tra tính nhất quán của mô hình, tổng hợp và chỉnh sửa báo cáo	16.7%

### 2.2. Cơ sở lý thuyết

#### 2.2.1. Khái niệm về Phân rã (Decomposition)

Phân rã trong thiết kế cơ sở dữ liệu là quá trình đầu tiên và quan trọng nhất trong việc chuyển đổi các yêu cầu nghiệp vụ phức tạp thành một mô hình dữ liệu có cấu trúc. Quá trình này bao gồm:

##### 1. Xác định Thực thể (Entity Identification):

- Nhận diện các đối tượng chính trong hệ thống cần quản lý
- Mỗi thực thể đại diện cho một danh mục (category) của dữ liệu
- Ví dụ: BOOK (Sách), MEMBER (Thành viên), LOAN (Mượn/trả)

## 2. Xác định Thuộc tính (Attribute Identification):

- Mô tả các đặc điểm chi tiết của từng thực thể
- Phân loại thuộc tính: đơn (simple), phức hợp (composite), đa trị (multi-valued), dẫn xuất (derived)
- Xác định khóa chính (Primary Key) để định danh duy nhất

## 3. Xác định Mối quan hệ (Relationship Identification):

- Mô tả sự liên kết giữa các thực thể
- Xác định bội số (cardinality): 1-1, 1-N, N-M
- Xác định tính chất (optionality): bắt buộc hoặc tùy chọn

**Kết quả:** Sơ đồ Thực thể - Mối quan hệ (Entity-Relationship Diagram - ERD), giúp trực quan hóa cấu trúc dữ liệu trước khi chuyển đổi sang mô hình quan hệ.

### 2.2.2. Các thành phần chính trong mô hình E/R

#### 1. Entity (Thực thể):

- **Định nghĩa:** Là tập hợp các đối tượng có cùng đặc điểm và thuộc tính
- **Biểu diễn:** Hình chữ nhật trong ERD
- **Đặc điểm:** Có tên duy nhất, có khóa chính (Primary Key) để định danh

#### 2. Attribute (Thuộc tính):

- **Định nghĩa:** Mô tả các đặc trưng của thực thể hoặc mối quan hệ
- **Biểu diễn:** Hình ellip trong ERD
- **Phân loại:**

Bảng 3: Phân loại thuộc tính

Loại	Mô tả	Ví dụ
Simple (Đơn)	Không thể chia nhỏ	Title, Year
Composite (Phức hợp)	Có thể chia nhỏ	Address = Street + City
Multi-valued (Đa trị)	Có nhiều giá trị	Phone numbers
Derived (Dẫn xuất)	Giá trị tính từ thuộc tính khác	Age = Year - BirthYear
Key (Khóa)	Định danh duy nhất	BookID, ISBN

#### 3. Relationship (Mối quan hệ):



- **Định nghĩa:** Mô tả sự liên kết giữa hai hoặc nhiều thực thể
- **Biểu diễn:** Hình thoi (diamond) trong ERD
- **Bội số (Cardinality):**

Bảng 4: Các loại bội số

Loại	Ý nghĩa
One-to-One (1:1)	Một bản ghi của A liên kết với một bản ghi của B
One-to-Many (1:N)	Một bản ghi của A liên kết với nhiều bản ghi của B
Many-to-Many (N:M)	Nhiều bản ghi của A liên kết với nhiều bản ghi của B

### 2.2.3. Quy trình xác định E/R Diagram

**Bước 1:** Phân tích yêu cầu bài toán - Đọc và hiểu rõ yêu cầu nghiệp vụ

**Bước 2:** Xác định các thực thể chính - Tìm các danh từ chính trong yêu cầu

**Bước 3:** Xác định mối quan hệ - Tìm các động từ mô tả sự liên kết

**Bước 4:** Liệt kê thuộc tính - Tìm các tính từ mô tả đặc điểm

**Bước 5:** Vẽ sơ đồ E/R - Sử dụng công cụ: draw.io, Visual Paradigm

**Bước 6:** Kiểm tra và hoàn thiện - Rà soát lại các yêu cầu

## 2.3. Tập thực thể

Sau khi phân tích yêu cầu bài toán, chúng tôi xác định được **6 thực thể chính** cần quản lý trong hệ thống thư viện:

### 2.3.1. 1. BOOK (SÁCH)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin về các cuốn sách trong thư viện

Bảng 5: Thuộc tính thực thể BOOK

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>BookID</i>	INT	Mã định danh duy nhất	PK, NOT NULL
<i>ISBN</i>	VARCHAR(17)	Mã số tiêu chuẩn quốc tế	UNIQUE
<i>Title</i>	VARCHAR(255)	Tên tiêu đề của sách	NOT NULL
<i>SubjectCategory</i>	VARCHAR(100)	Thể loại phân loại sách	NULL
<i>PublicationYear</i>	INT	Năm xuất bản sách	NULL
<i>PublisherID</i>	INT	Mã nhà xuất bản	FK

### 2.3.2. 2. AUTHOR (TÁC GIẢ)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin cá nhân về các tác giả của sách

Bảng 6: Thuộc tính thực thể AUTHOR

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>AuthorID</i>	INT	Mã định danh duy nhất	PK, NOT NULL
<i>Name</i>	VARCHAR(255)	Tên đầy đủ của tác giả	NOT NULL
<i>Nationality</i>	VARCHAR(100)	Quốc tịch của tác giả	NULL
<i>YearOfBirth</i>	INT	Năm sinh của tác giả	NULL

### 2.3.3. 3. PUBLISHER (NHÀ XUẤT BẢN)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin về các nhà xuất bản

Bảng 7: Thuộc tính thực thể PUBLISHER

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>PublisherID</i>	INT	Mã định danh duy nhất	PK, NOT NULL
<i>Name</i>	VARCHAR(255)	Tên nhà xuất bản	NOT NULL
<i>Address</i>	VARCHAR(500)	Địa chỉ của nhà xuất bản	NULL
<i>ContactNumber</i>	VARCHAR(50)	Số điện thoại liên hệ	NULL

### 2.3.4. 4. BOOK\_COPY (BẢN SAO SÁCH)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin về từng bản sao vật lý của sách

Bảng 8: Thuộc tính thực thể BOOK\_COPY

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>CopyID</i>	INT	Mã định danh duy nhất của bản sao	PK, NOT NULL
<i>BookID</i>	INT	Mã sách mà bản sao thuộc về	FK, NOT NULL
<i>Condition</i>	VARCHAR(50)	Tình trạng bản sao	NULL
<i>Status</i>	VARCHAR(20)	Trạng thái hiện tại	NOT NULL

**Ghi chú:**

- *Condition*: New (Mới), Good (Tốt), Fair (Trung bình), Poor (Kém)
- *Status*: Available (Sẵn sàng), Borrowed (Đang mượn), Maintenance (Bảo dưỡng), Lost (Mất)

### 2.3.5. 5. MEMBER (THÀNH VIÊN)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin về thành viên thư viện

Bảng 9: Thuộc tính thực thể MEMBER

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>MemberID</i>	INT	Mã định danh duy nhất	PK, NOT NULL
<i>Name</i>	VARCHAR(255)	Tên đầy đủ của thành viên	NOT NULL
<i>Address</i>	VARCHAR(500)	Địa chỉ liên lạc	NULL
<i>Phone</i>	VARCHAR(20)	Số điện thoại liên hệ	NULL
<i>MembershipType</i>	VARCHAR(50)	Loại thành viên	NOT NULL

**Ghi thích:** *MembershipType*: Student (Sinh viên), Faculty (Giảng viên), Standard (Thông thường), Premium (VIP)

### 2.3.6. 6. LOAN (MƯỢN/TRẢ)

**Mô tả thực thể:** Lưu trữ thông tin về các giao dịch mượn/trả sách

Bảng 10: Thuộc tính thực thể LOAN

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>LoanID</i>	INT	Mã định danh duy nhất	PK, NOT NULL
<i>MemberID</i>	INT	Mã thành viên mượn	FK, NOT NULL
<i>CopyID</i>	INT	Mã bản sao được mượn	FK, NOT NULL
<i>BorrowDate</i>	DATE	Ngày mượn sách	NOT NULL
<i>DueDate</i>	DATE	Ngày hết hạn phải trả	NOT NULL
<i>ReturnDate</i>	DATE	Ngày thực tế trả sách	NULL
<i>OverdueFine</i>	DECIMAL(10,2)	Phí phạt quá hạn	DEFAULT 0

### 2.3.7. Tổng hợp thực thể

Bảng 11: Bảng tổng hợp 6 thực thể chính

#	Tên thực thể	Mô tả	Khóa chính
1	BOOK	Danh mục sách trong thư viện	<i>BookID</i>
2	AUTHOR	Danh mục tác giả	<i>AuthorID</i>
3	PUBLISHER	Danh mục nhà xuất bản	<i>PublisherID</i>
4	BOOK_COPY	Các bản sao vật lý của sách	<i>CopyID</i>
5	MEMBER	Thành viên thư viện	<i>MemberID</i>
6	LOAN	Giao dịch mượn/trả sách	<i>LoanID</i>

## 2.4. Các mối quan hệ

Sau khi xác định các thực thể, chúng tôi phân tích và xác định được **5 mối quan hệ chính**:

Bảng 12: Bảng tổng hợp 5 mối quan hệ

#	Tên	Thực thể 1	Thực thể 2	Bội số	Mô tả
1	Publishes	PUBLISHER	BOOK	1 : N	Một nhà XB xuất bản nhiều sách
2	Writes	AUTHOR	BOOK	M : N	Tác giả viết sách (qua BOOK_AUTHOR)
3	Has	BOOK	BOOK_COPY	1 : N	Một sách có nhiều bản sao vật lý
4	Processes	MEMBER	LOAN	1 : N	Thành viên tạo nhiều giao dịch mượn
5	Records	LOAN	BOOK_COPY	1 : 1	Một giao dịch ghi nhận một bản sao

**Ghi thích về cấu trúc mỗi quan hệ:**

- **Quan hệ mượn sách:** Thành viên không trực tiếp kết nối đến bản sao sách. Thay vào đó, một thành viên tạo một giao dịch LOAN, và giao dịch đó ghi nhận bản sao sách cụ thể được mượn.
- Cấu trúc này cho phép lưu trữ đầy đủ thông tin về mỗi lần mượn: ngày mượn, ngày hết hạn, ngày trả, và phí phạt.
- Điều này cũng cho phép theo dõi lịch sử mượn của một thành viên qua thời gian.

## 2.5. Thuộc tính chi tiết

### 2.5.1. Bảng trung gian BOOK\_AUTHOR

Vì mối quan hệ giữa AUTHOR và BOOK là nhiều-nhiều (M:N), chúng tôi cần một bảng trung gian:

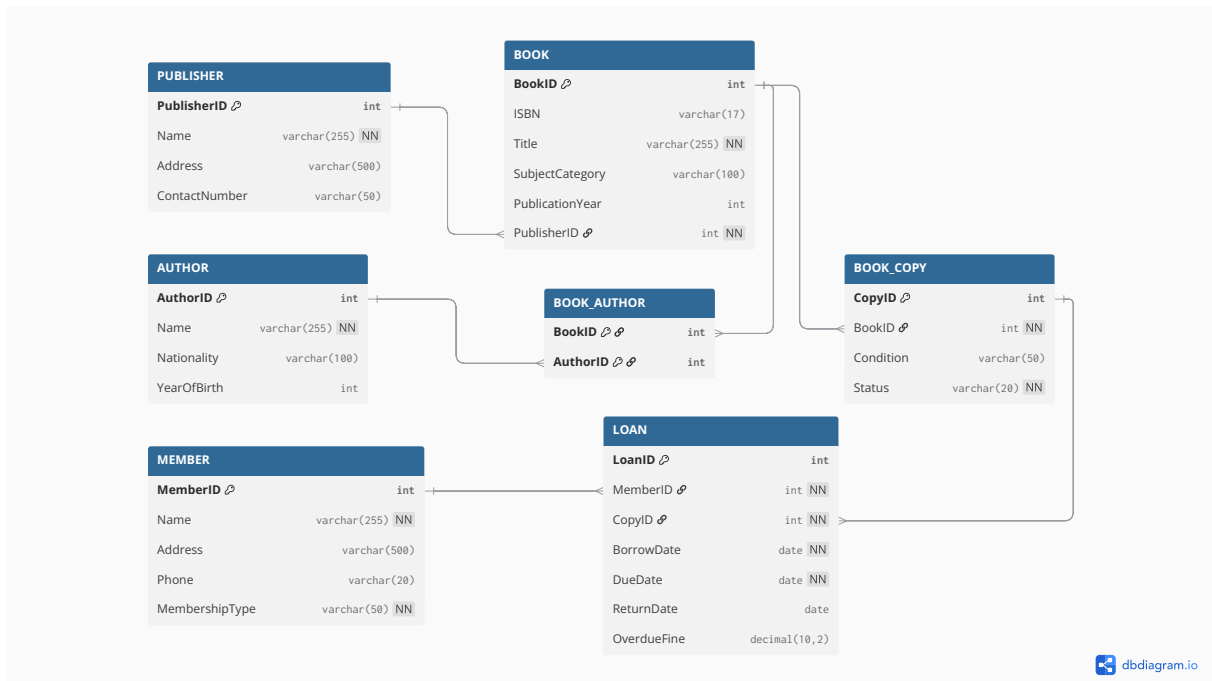
Bảng 13: Bảng trung gian BOOK\_AUTHOR

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ràng buộc
<i>BookID</i>	INT	Khóa ngoại tham chiếu BOOK	PK, FK
<i>AuthorID</i>	INT	Khóa ngoại tham chiếu AUTHOR	PK, FK

**Ràng buộc:** PRIMARY KEY (*BookID*, *AuthorID*) - Khóa chính kép

## 2.6. Sơ đồ Thực thể - Mối quan hệ (ERD)

### 2.6.1. Sơ đồ ERD hoàn chỉnh



Hình 1: Sơ đồ Thực thể - Mối quan hệ (ERD) cho hệ thống Quản lý Thư viện

#### Giải thích các mối quan hệ chính:

- PUBLISHER (1) — (N) BOOK**: Một nhà xuất bản xuất bản nhiều sách
- AUTHOR (M) — (N) BOOK**: Mối quan hệ nhiều-nhiều thông qua bảng trung gian **BOOK\_AUTHOR**
- BOOK (1) — (N) BOOK\_COPY**: Một đầu sách có nhiều bản sao vật lý
- MEMBER (1) — (N) LOAN**: Một thành viên có thể có nhiều giao dịch mượn
- BOOK\_COPY (1) — (N) LOAN**: Một bản sao có thể được mượn nhiều lần theo thời gian

### 2.6.2. Mô tả chi tiết các mối quan hệ

#### 1. Publishes (1:N) - PUBLISHER đến BOOK

- Một nhà xuất bản có thể xuất bản nhiều cuốn sách
- Mỗi cuốn sách được xuất bản bởi đúng một nhà xuất bản
- Ràng buộc: *PublisherID* trong **BOOK** là khóa ngoại tham chiếu đến **PUBLISHER**

#### 2. Writes (M:N) - AUTHOR đến BOOK

- Một tác giả có thể viết nhiều cuốn sách
- Một cuốn sách có thể có nhiều tác giả
- Cần bảng trung gian BOOK\_AUTHOR để quản lý mối quan hệ này
- Bảng BOOK\_AUTHOR có khóa chính kép (*BookID*, *AuthorID*)

### 3. Has (1:N) - BOOK đến BOOK\_COPY

- Một cuốn sách (title) có thể có nhiều bản sao vật lý
- Mỗi bản sao thuộc về một cuốn sách duy nhất
- Ràng buộc: *BookID* trong BOOK\_COPY là khóa ngoại tham chiếu đến BOOK
- Khi xóa sách, tất cả bản sao cũng bị xóa (ON DELETE CASCADE)

### 4. Processes (1:N) - MEMBER đến LOAN

- Một thành viên có thể tạo nhiều giao dịch mượn
- Mỗi giao dịch mượn thuộc về một thành viên
- Ràng buộc: *MemberID* trong LOAN là khóa ngoại tham chiếu đến MEMBER
- Lưu trữ lịch sử đầy đủ của các giao dịch mượn/trả

### 5. Records (1:1) - LOAN đến BOOK\_COPY

- Một giao dịch mượn ghi nhận một bản sao sách cụ thể
- Mỗi bản sao tại một thời điểm chỉ được ghi nhận trong một giao dịch đang hoạt động
- Ràng buộc: *CopyID* trong LOAN là khóa ngoại tham chiếu đến BOOK\_COPY
- Không thể có hai giao dịch mượn đang hoạt động cho cùng một bản sao

#### Lưu ý về thiết kế:

- Thành viên không trực tiếp kết nối đến bản sao sách
- Việc mượn sách được thực hiện thông qua thực thể LOAN
- Thiết kế này cho phép lưu trữ đầy đủ thông tin về mỗi lần mượn: ngày mượn, ngày hết hạn, ngày trả, và phí phạt
- Hỗ trợ truy vấn lịch sử mượn của thành viên và thống kê báo cáo

## 2.6.3. Các quyết định thiết kế chính

### 1. Tách BOOK và BOOK\_COPY:

- BOOK lưu thông tin chung về title/ISBN
- BOOK\_COPY lưu thông tin về từng bản sao vật lý
- Giúp quản lý chính xác số lượng sách có sẵn

### 2. Sử dụng bảng trung gian BOOK\_AUTHOR:

- Hỗ trợ mối quan hệ M:N giữa AUTHOR và BOOK
- Cho phép một sách có nhiều tác giả
- Cho phép một tác giả có nhiều sách

### 3. Tách LOAN thành thực thể riêng:

- Lưu trữ đầy đủ thông tin về mỗi giao dịch mượn
- Hỗ trợ tính toán phí phạt
- Lưu trữ lịch sử mượn/trả đầy đủ

## 2.7. Kết luận báo cáo 1

### 2.7.1. Tổng kết kết quả

Báo cáo 1 đã hoàn thành phân tích và thiết kế sơ đồ ERD cho hệ thống quản lý thư viện:

#### 1. Xác định được 6 thực thể chính:

- BOOK - 6 thuộc tính
- AUTHOR - 4 thuộc tính
- PUBLISHER - 4 thuộc tính
- BOOK\_COPY - 4 thuộc tính
- MEMBER - 5 thuộc tính
- LOAN - 7 thuộc tính

#### 2. Xác định được 5 mối quan hệ:

- Publishes (1:N) - PUBLISHER → BOOK
- Writes (M:N) - AUTHOR ↔ BOOK (qua BOOK\_AUTHOR)
- Has (1:N) - BOOK → BOOK\_COPY
- Processes (1:N) - MEMBER → LOAN
- Records (1:1) - LOAN → BOOK\_COPY

### **Lưu ý về thiết kế quan hệ:**

- Việc mượn sách được mô hình hóa thông qua thực thể LOAN, không phải quan hệ trực tiếp giữa MEMBER và BOOK\_COPY
- Thành viên tạo giao dịch LOAN, và giao dịch đó ghi nhận bản sao sách được mượn
- Thiết kế này cho phép lưu trữ đầy đủ thông tin về mỗi lần mượn và theo dõi lịch sử

### **3. Xác định được 1 bảng trung gian:**

- BOOK\_AUTHOR - quản lý mối quan hệ nhiều-nhiều

## **2.7.2. Chuẩn bị cho báo cáo 2**

Báo cáo 2 sẽ chuyển đổi sơ đồ ERD sang mô hình quan hệ (Relational Data Model) và thực hiện:

1. Chuyển đổi thực thể thành bảng (tables)
2. Xác định khóa chính và khóa ngoại
3. Xác định các lược đồ quan hệ (relation schemas)
4. Nhận dạng các mẫu không chuẩn hóa
5. Chuẩn bị cho quá trình chuẩn hóa trong báo cáo 3

## **2.7.3. Đánh giá chất lượng thiết kế**

- **Tính đầy đủ:** Tất cả các thực thể và mối quan hệ cần thiết đã được xác định
- **Tính chính xác:** Bộ số và các ràng buộc được xác định đúng theo yêu cầu
- **Tính rõ ràng:** Sơ đồ ERD thể hiện rõ cấu trúc dữ liệu
- **Khả năng mở rộng:** Thiết kế cho phép thêm các thực thể mới trong tương lai



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Silberschatz, A., Korth, H. F., & Sudarshan, S. (2019). *Database System Concepts* (7th ed.). McGraw-Hill Education.
2. Elmasri, R., & Navathe, S. B. (2015). *Fundamentals of Database Systems* (7th ed.). Pearson.
3. Microsoft Documentation. (2025). *SQL Server Documentation*. Retrieved from <https://docs.microsoft.com>
4. Course Materials - DBI202 - FPT University
5. GeeksforGeeks. (2025). *ER Diagram of Library Management System*. Retrieved from <https://www.geeksforgeeks.org>

---

## KẾT THÚC BÁO CÁO 1

*Người thực hiện: Nhóm 3 - Lớp SE2043*

*Ngày hoàn thành: 26/01/2026*

*Giảng viên hướng dẫn: Vũ Thanh Phong*